

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường tại Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin

Thực hiện Quyết định thanh tra số 191/QĐ-ATMT ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường tại Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin. Từ ngày 25 tháng 10 đến ngày 24 tháng 11 năm 2022, Đoàn thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường đã tiến hành thanh tra tại trụ sở Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin và tại trụ sở cơ quan thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 12/BC-ĐTTr ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Trưởng đoàn thanh tra và Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra số 03/BC-TĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Người thẩm định. Cục ATMT kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát chung

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin; Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 6, khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 5700101323.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 5700101323.

Ngày cấp đăng ký lần đầu: 25 tháng 12 năm 2006; Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 20 tháng 01 năm 2020; Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông: Nguyễn Quang Quảng; Giới tính: Nam; Chức danh: Phó Giám đốc (*theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 20/01/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh*

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh*).

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Đặc điểm, tình hình khai thác, chế biến khoáng sản tại đơn vị

2.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất tại thời kỳ thanh tra:

- Hội đồng quản trị: 05 người; Ban kiểm soát: 03 người
 - Bộ máy viên chức quản lý: Q. Giám đốc: 01 người; Phó giám đốc: 03 người; Kế toán trưởng: 01 người.

- Số công trường, phân xưởng, phòng ban: Gồm 13 phòng ban và 11 công trường, phân xưởng. Cụ thể:

+ 13 Phòng ban: Văn phòng, TCNS, KT, CV, AT, ĐK, KH, KCS, ĐTM, KCM, TĐ, VT, KB.

+ 11 Công trường, Phân xưởng: CT Khai thác 1, CT Khai thác 2, CT Khoan, CT Than, CT BN&LĐ; PX DVTH, PX Cơ điện, PX Sửa chữa ô tô, PX Xe 1, PX Xe 2, PX Xe 7.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy, tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất của công ty tại thời kỳ thanh tra đảm bảo quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty diễn ra bình thường.

2.1.2. *Việc lập kế hoạch và kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ trong thời kỳ thanh tra:* Hàng năm Chi nhánh Công ty đã xây dựng kế hoạch AT-VSLĐ, triển khai thực hiện và có báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ, cụ thể như sau:

- Năm 2019 (Theo kế hoạch ATVSLĐ năm 2019 Công ty xây dựng ngày 20/8/2018):

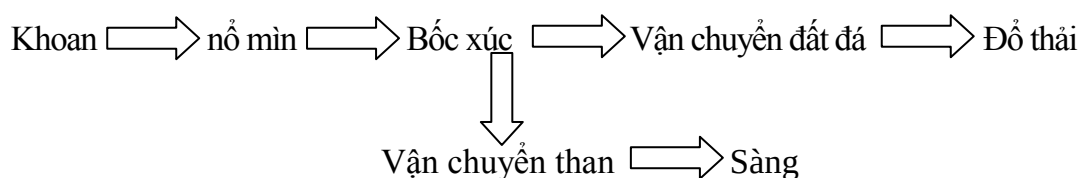
TT	Nội dung Kế hoạch AT-VSLĐ	Kế hoạch đầu công việc		Kế hoạch bằng tiền (1000 đ)		
		KH năm 2019	TH năm 2019	KH năm 2019	TH năm 2019	Đạt, %
1	Các biện pháp về KTAT và PCCN	49	49	1.914.960	2.241.484	117,1
2	Các biện pháp về VSLĐ và phòng chống độc hại cải thiện điều kiện LĐ	29	28	872.629	1.009.428	115,7
3	Mua sắm trang bị bảo vệ cá nhân	35	35	1.729.469	1.753.105	101,4
4	Chăm sóc sức khỏe người LĐ	6	7	4.520.747	5.150.341	113,9
5	Tuyên truyền giáo dục, HL về BHLĐ	21	22	2.146.560	2.152.759	100,3
Tổng cộng		140	141	11.184.365	12.307.117	110,0

- Năm 2020 (Theo kế hoạch ATVSLĐ năm 2020 đã xây dựng ngày 05/01/2020):

TT	Nội dung Kế hoạch AT-VSLĐ	Kế hoạch đầu công việc		Kế hoạch bằng tiền (1000 đ)		
		KH năm 2020	TH năm 2020	KH năm 2020	TH năm 2020	Đạt, %
1	Các biện pháp về KTAT và PCCN	60	68	2.411.470	2.465.361	102,2
2	Các biện pháp về VSLĐ và phòng chống độc hại cải thiện điều kiện LĐ	27	27	740.467	786.500	106,2
3	Mua sắm trang bị bảo vệ cá nhân	30	30	1.419.571	1.423.030	100,2
4	Chăm sóc sức khỏe người LĐ	12	12	5.072.860	5.692.506	112,2
5	Tuyên truyền giáo dục, HL về BHLĐ	18	20	1.308.270	1.390.272	106,3
Tổng cộng		147	157	10.952.638	11.757.669	107,4

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy việc lập, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo theo đúng quy định.

2.1.3. Công nghệ sản xuất đang sử dụng: Khai thác than bằng phương pháp lộ thiên. Áp dụng công nghệ khoan nổ mìn để phá vỡ than và đất đá.



Công nghệ sản xuất đang sử dụng của công ty phù hợp với thiết kế mỏ được phê duyệt.

2.1.4. Huấn luyện, đào tạo, bố trí nhân lực theo các quy định của pháp luật hiện hành: Công ty thực hiện công tác huấn luyện theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và Thông tư số 31/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương. Qua kiểm tra, xác minh cho thấy việc huấn luyện, đào tạo, bố trí nhân lực của Công ty đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2.1.5. Sự cố, tai nạn lao động theo các nguyên nhân để xảy ra trong thời kỳ thanh tra, các biện pháp đã áp dụng để sự cố, tai nạn lao động không tái diễn và kết quả thực hiện:

* Năm 2019: 10 vụ tai nạn lao động. Trong đó: 08 vụ TNLĐ nặng; 02 vụ TNLĐ nhẹ. Tai nạn chết người: 01 vụ/01 người. 01 vụ sự cố loại III.

* Năm 2020: 03 vụ tai nạn lao động. Trong đó: 02 vụ TNLĐ nặng; 01 vụ TNLĐ nhẹ. Không xảy ra tai nạn chết người. 05 vụ sự cố loại III.

* Các biện pháp đã áp dụng để sự cố, tai nạn lao động không tái diễn.

- Đã tổ chức rút kinh nghiệm kỹ các vụ TNLĐ và sự cố thiết bị đã xảy ra ở đơn vị và trong Công ty cũng như trong Tập đoàn TKV.

- Công ty áp dụng các biện pháp đánh giá rủi ro để phòng ngừa tai nạn sự cố.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy, công ty đã thực hiện khai báo TNLĐ theo quy định. Công ty áp dụng biện pháp đánh giá rủi ro để phòng ngừa tai nạn sự cố. Đề nghị Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả các biện pháp đảm bảo an toàn trong sản xuất.

2.2. Những nội dung chính liên quan đến hoạt động thanh tra

2.2.1. Về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản

1. Phần chung về quản lý kỹ thuật an toàn tại doanh nghiệp

a) Hồ sơ quản lý an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định, bao gồm: Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động; kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; quy chế quản lý và phân cấp quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động: Công ty đã có kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động; quy chế quản lý và phân cấp quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động (có hồ sơ kèm theo).

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động; quy chế quản lý và phân cấp quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động của Công ty tại các hồ sơ kèm theo (Quyết định số 493/QĐ-VHTC, Quyết định số 117/QĐ-VHTC, Quyết định số 340/QĐ-VHTC, Quyết định số 1234/QĐ-VHTC...) đảm bảo đúng quy định, tuy nhiên Công ty chưa trình được kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

b) Công tác tự kiểm tra, rà soát các công trường, khai trường, khu vực sản xuất về việc thực hiện các quy chuẩn, quy trình đảm bảo quy định về kỹ thuật an toàn; kế hoạch củng cố, khắc phục các vi phạm về an toàn: Công ty đã thực hiện theo quy định.

c) Các quy trình, quy định, nội quy về an toàn: Công ty đã thực hiện theo quy định (có hồ sơ kèm theo)..

d) Công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn của các đối tượng quản lý, bao gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, Trưởng phòng, Quản đốc, Phó quản đốc trực ca hoặc chức danh tương đương: Công ty đã có phân cấp đến từng đối tượng quản lý và phân công triển khai thực hiện cụ thể cho từng thành phần và được thể hiện trong các văn bản kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn. Đề nghị Công ty xây dựng riêng quy định về phân công trách nhiệm kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quản lý.

đ) Hệ thống quản lý, danh mục và số lượng các máy, thiết bị, hoá chất có khả năng gây mất an toàn thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2; các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Công ty có các máy, thiết bị có khả năng gây mất an toàn thuộc danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2; các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Qua kiểm tra, xác minh cho thấy công ty đã quản lý và thực hiện theo các quy định.

e) Quản lý cơ điện, vận tải

- Hồ sơ quản lý hệ thống cung cấp điện cao thế, hạ thế và các trạm biến áp: Qua kiểm tra, xác minh cho thấy công ty đã quản lý và thực hiện theo các quy định.

- Sơ đồ cung cấp điện toàn mỏ, các khu vực sản xuất, sơ đồ tiếp đất chung cho toàn mỏ: Qua kiểm tra, xác minh cho thấy công ty đã quản lý và thực hiện theo các quy định.

- Các quy trình, quy định, nội quy về an toàn trong công tác quản lý, vận hành thiết bị Cơ điện - Vận tải: Công ty có đủ các quy trình, quy định, nội quy về an toàn trong công tác quản lý, vận hành thiết bị Cơ điện - Vận tải và quy chế tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy đảm bảo quy định..

- Công tác quản lý, vận hành các thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp và nghiêm ngặt về an toàn lao động: Qua kiểm tra, xác minh cho thấy công ty đã quản lý và thực hiện theo các quy định.

- Công tác kiểm tra, thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định thiết bị: Công ty thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật điện lực thực hiện và thực hiện quản lý theo quy định.

- Các hồ sơ, sổ sách theo dõi quản lý, vận hành kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đầu ca, thường xuyên, định kỳ: Công ty đã thực hiện theo quy định.

g) Hồ sơ thi công tại các đơn vị sản xuất (tổ/đội/phân xưởng): Công ty đã thực hiện theo quy định.

h) Hồ sơ quản lý đội cấp cứu mỏ bán chuyên trách: Công ty đã thực hiện theo quy định.

i) Kết luận kiểm tra của các đoàn kiểm tra về công tác an toàn tại đơn vị trong thời kỳ thanh tra: Năm 2020 Thanh tra - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, AT-VSLĐ tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin và ban hành Kết luận Thanh tra số 168/KL-TTr ngày 21/10/2020. Đoàn Thanh tra đã chỉ ra một số tồn tại cần khắc phục. Công ty đã triển khai thực hiện khắc phục các tồn tại theo kiến nghị của Đoàn thanh tra - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và có báo cáo tại Văn bản số 2340/VHTC-AT ngày 25/11/2022 về việc Thực hiện các kiến nghị của Thanh tra - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Khai thác than lộ thiên

a) Kỹ thuật an toàn trong khai thác và đổ thải

- Công ty có đủ hộ chiếu xúc cho máy EKG-9.

- Hệ thống tầng công tác và kết thúc khai thác: Chiều cao tầng công tác cũng như tầng kết thúc $h \leq 15$ m; chiều rộng bề mặt tầng công tác ≥ 15 m, chiều rộng bề mặt tầng kết thúc ≥ 10 m; góc nghiêng sườn tầng công tác, kết thúc $\leq 56^\circ$. Công ty thực hiện đảm bảo theo thiết kế mỏ.

- Hệ thống đường vận tải: Các tuyến đường vận chuyển trong khai trường cũng như ra các bãi thải trong có chiều rộng bề mặt đường từ 15 đến 35 m có độ dốc nghiêng vào chân tầng $i_n = 2 \div 3$ %, độ dốc dọc trung bình $i_d \leq 7\%$, các tuyến đường vận chuyển đều được đắp bờ chắn an toàn hình thang với chiều cao $\geq 1,7$ m; đáy trên $\geq 1,2$ m; đáy dưới $\geq 3,2$ m. Công ty thực hiện đảm bảo theo thiết kế mỏ.

- Công tác khoan nổ mìn, xúc bốc: Công ty ký hợp đồng với Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Cẩm Phả trong việc thi công nổ mìn; Công ty có đầy đủ hộ chiếu khoan, xúc bốc than, đất đá. Công ty thực hiện đảm bảo theo thiết kế mỏ.

- Quy hoạch bãi thải, đổ thải, quan trắc bãi thải: Công ty lập Hộ chiếu đổ thải cho từng khu vực đổ thải có hiệu lực thực hiện 6 tháng/lần. Các bãi thải có chiều cao đổ thải ≤ 50 m, chiều rộng các khu vực đang bố trí cho xe hoạt động phục vụ công tác đổ thải ≥ 60 m, góc nghiêng sườn tầng tải đang công tác cũng như kết thúc $\leq 36^\circ$. Công ty thực hiện đảm bảo theo thiết kế mỏ.

b) Việc thực hiện công thoát nước

Công ty đang sử dụng phương pháp thoát nước cưỡng bức và phương pháp thoát nước tự chảy. Công ty thực hiện đảm bảo theo thiết kế mỏ.

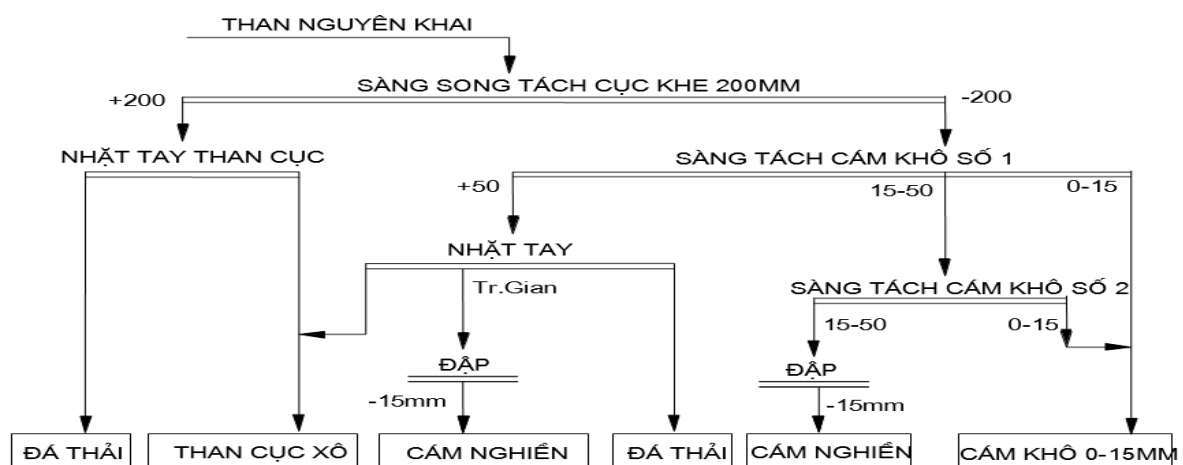
3. Đối với sàng, tuyển, chế biến

Than nguyên khai sau khi khai thác của khu Bắc Bàng Danh được vận chuyển bằng ô tô đến xưởng sàng tại mức +200 công suất 0,8 triệu tấn/năm hiện có và xưởng sàng công suất 2,5 triệu tấn/năm đầu tư mới để chế biến, sản phẩm.

- Than vận chuyển từ khai trường của các vỉa đến xưởng sàng tại mặt bằng mức +200 bằng ô tô, tại đây than nguyên khai đổ trực tiếp vào hố nhận hoặc đổ thành nhiều đống theo chất lượng khác nhau, sau đó được máy xúc bánh lốp xúc vào hố nhận, tại hố nhận than qua sàng song khe 200 mm, trên sàng cục +200 mm đổ xuống bãi, và được ô tô vận chuyển ra bãi nhật cục thu hồi than và loại đá.

- Than nguyên khai cấp hạt -200 mm dưới sàng được băng tải cấp lên máy sàng phân loại số 2, lỗ lưới 50x50 mm và 15x15 mm cho ra 3 chủng loại: Than + 50 mm; Than cấp hạt 15-50 mm; Than cám cấp hạt -15 mm. Than +50 mm được xúc lên băng tải chạy chậm để tổ chức nhật thủ công cho 03 sản phẩm, than sạch, than kẹp xít và đá thải. Than cấp hạt 15-50 mm được băng tải vận chuyển sang cụm sàng số 2 lỗ lưới 15x15 mm để sàng tách lại than cám cấp hạt -15 mm thu hồi tối đa than cám lẫn. Sản phẩm than cám -15 mm sau sàng tách cám số 1 và số 2 sẽ được gộp lại tại kho chứa sau đó được xúc bốc lên ô tô đưa đi tiêu thụ. Than cấp hạt 15-50 mm sau sàng cụm sàng số 2 sẽ được nghiền xuống -15 mm pha trộn với cám sàng để tiêu thụ.

Sơ đồ công nghệ sàng tuyển như sau:



*/ Sơ đồ mạng lưới giao thông

Văn phòng Công ty cách Quốc lộ 18A khoảng 100m theo hướng từ Hạ Long đi Cẩm Phả. Khai trường sản xuất đi từ Quốc lộ 18A dọc theo tuyến

đường Trịnh Văn Nghinh khoảng 3 km. Hệ thống đường giao thông của Công ty chủ yếu là đường nội mỏ.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

2.2.2 Về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Hồ sơ pháp lý

a) Các văn bản chứng minh sự tuân thủ của pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, cụ thể: Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; văn bản thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; Các văn bản liên quan đến bảo vệ môi trường đối với tổ chức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại...): Năm 2019 và năm 2020 Công ty ký kết hợp đồng với Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả để thực hiện dịch vụ nổ mìn (Hợp đồng số 2707/2018/HĐNM/HCMCP-HT ngày 20 tháng 12 năm 2018 và 2661/2020/HĐNM/HCMCP-HT ngày 19 tháng 12 năm 2019). Theo đó, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Công ty không phải có giấy phép đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đã thuê dịch vụ nổ mìn.

b) Hồ sơ thiết kế, hoàn công hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn của cơ sở.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

c) Quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy của cơ sở; Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy; Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành; sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy:

- Công ty đã ban hành các Quyết định số: 823/QĐ-VHTC ngày 05/4/2019 và số 682/QĐ-VHTC ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công ty Cổ phần Than Hà Tu – VINACOMIN.

- Công ty đã lập Sổ theo dõi huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy, chữa cháy năm 2019 và 2020 theo đúng quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 3 Thông tư số

66/2014/TT-BCA.

- Công ty đã lập Sổ kiểm tra, theo dõi trang bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2019 và 2020 theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA, tuy nhiên cần lưu ý tham khảo biểu mẫu tại Phụ lục A TCVN 3890 : 2009 về Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

d) Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy: Công ty đã xây dựng Phương án chữa cháy, được Trưởng phòng cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Quảng Ninh phê duyệt ngày 26 tháng 02 năm 2018 theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

đ) Biên bản kiểm tra về an toàn, phòng cháy và chữa cháy, an ninh trật tự; biên bản vi phạm và quyết định xử lý vi phạm hành chính (nếu có): Công ty đã cung cấp Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH vào các ngày: 19/3/2019, 13/6/2019, 12/9/2019, 13/12/2019, 10/6/2020 và 20/11/2020.

2. Về công tác an toàn

a) Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về an toàn: Công ty đã xây dựng Quy định an toàn nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 2022/QĐ-VHTC ngày 03 tháng 8 năm 2020 theo quy định tại Điều 15 Luật An toàn vệ sinh lao động và các quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về an toàn.

b) Tổ chức bộ máy thực hiện công tác an toàn;

- Công ty đã thành lập Hội đồng An toàn bảo hộ lao động theo Quyết định số 493/QĐ-HĐQT ngày 18/3/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và được kiện toàn lại tại Quyết định số 117/QĐ-VHTC ngày 15/01/2020.

- Công ty đã ban hành Quyết định số 340/QĐ-VHTC ngày 20/02/2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin “V/v Ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý công tác AT-VSLĐ trong Công ty Cổ phần Than Hà Tu -Vinacomin”; Quyết định số 165/QĐ-VHTC ngày 22/01/2013 “V/v Ban hành Quy định phân công trách nhiệm các chức danh khi xảy ra TNSC nghiêm trọng, tai nạn chết người trong Công ty” và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1644/QĐ-VHTC ngày 03/7/2020 “V/v Ban hành Quy định phân công trách nhiệm các chức danh khi xảy ra TNSC nghiêm trọng, tai nạn chết người trong Công ty”.

Tổ chức bộ máy thực hiện công tác an toàn của công ty đảm bảo theo quy

định.

c) Công tác kiểm tra, việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra về an toàn:

Công ty đã ban hành Quyết định số 1360/QĐ-VHTC ngày 15/9/2016 “V/v Ban hành Quy định công tác kiểm tra AT-VSLĐ”, được thay thế bởi Quyết định số 2288/QĐ-VHTC ngày 09/9/2020 “V/v Ban hành Quy định công tác kiểm tra AT-VSLĐ”.

Công ty đã thực hiện kiểm tra công tác AT-VSLĐ định kỳ thể hiện tại các biên bản kiểm tra. Công ty tổ chức kiểm tra chấm điểm toàn diện việc thực hiện công tác AT-VSLĐ tại các Công trường, Phân xưởng cụ thể: Đối với các Đơn vị sẽ tự kiểm tra chấm điểm 3 tháng một lần với 100% phân xưởng; Đối với Công ty là 06 tháng/lần (lần thứ nhất vào cuối tháng 6, lần thứ 2 vào cuối tháng 12 hàng năm). Công ty cung cấp bổ sung hồ sơ “Biên bản kiểm tra chấm điểm việc thực hiện công tác AT-VSLĐ của năm 2019 và năm 2020” cho Đoàn (có hồ sơ kèm theo).

d) Công tác huấn luyện về an toàn; sổ theo dõi công tác huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động:

- Công ty đã ban hành quy định cụ thể về công tác huấn luyện an toàn lao động vệ sinh lao động tại Quyết định số 2222/QĐ-VHTC ngày 07/12/2015 “V/v Ban hành Quy định huấn luyện ATLĐ, VSLĐ trong Công ty Cổ phần Than Hà Tu”, được thay thế bởi Quyết định số 1689/QĐ-VHTC ngày 07/7/2020 “V/v Ban hành Quy định huấn luyện ATLĐ, VSLĐ trong Công ty Cổ phần Than Hà Tu”.

- Công ty đã lập Sổ theo dõi công tác huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động năm 2019 và 2020.

đ) Công tác báo cáo, tổng kết về an toàn:

Công ty đã thực hiện báo cáo công tác an toàn – vệ sinh lao động năm 2019 và 2020 theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Luật Khoáng sản 2010.

l) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp:

Năm 2019 và 2020 Công ty đã xây dựng các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai, thủ tiêu sự cố...trong đó có lồng ghép nội dung kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và có kết quả diễn tập, cụ thể như sau:

*** Năm 2019:**

- Phương án Phòng, chống thiên tai - tìm, kiếm cứu nạn năm 2019 số 85/PA-VHTC Ngày 10/01/2019;

- Phương án thủ tiêu sự cố mưa bão năm 2019 số 147/PA-VHTC ngày

23/01/2019;

- Phương án phòng ngừa và xử lý sự cố môi trường năm 2019 số 146/PA-VHTC ngày 23/01/2019;

- Kế hoạch về việc Diễn tập phương án thủ tiêu sự cố do mưa bão năm 2019 số 251/KH-VHTC ngày 19/02/2019;

- Kế hoạch về việc Diễn tập phương án phòng ngừa và xử lý sự cố môi trường năm 2019 số 252/KH-VHTC ngày 19/02/2019;

- Thông báo Kết quả Diễn tập phương án thủ tiêu sự cố do mưa bão năm 2019 số 626/TB-VHTC ngày 23/4/2019.

- Thông báo Kết quả Diễn tập phương án sự cố môi trường năm 2019 số 470/TB-VHTC ngày 26/3/2019.

*** Năm 2020:**

- Phương án Phòng, chống thiên tai - tìm, kiếm cứu nạn năm 2020 số 16/PA-VHTC Ngày 07/01/2020;

- Phương án thủ tiêu sự cố mưa bão năm 2020 số 191/PA-VHTC ngày 05/02/2020;

- Phương án phòng ngừa và xử lý sự cố môi trường năm 2020 số 203/PA-VHTC ngày 07/02/2020;

- Kế hoạch về việc Diễn tập phương án thủ tiêu sự cố do mưa bão năm 2020 số 487/KH-VHTC ngày 20/3/2020;

- Kế hoạch về việc Diễn tập phương án phòng ngừa và xử lý sự cố môi trường năm 2020 số 488/KH-VHTC ngày 20/3/2020;

- Thông báo Kết quả Diễn tập phương án thủ tiêu sự cố do mưa bão năm 2020 số 664/TB-VHTC ngày 09/4/2020.

- Thông báo Kết quả Diễn tập phương án phòng ngừa và xử lý sự cố môi trường năm 2020 số 663/TB-VHTC ngày 09/4/2020.

Tuy nhiên để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định đề nghị công ty xây dựng riêng Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và triển khai thực hiện.

3. Về công tác đảm bảo an ninh

Công ty đã thực hiện đúng các quy định về ANTT trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Công tác quản lý VLNCN

Như đã kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty thuê dịch vụ nổ mìn, vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Công ty không phải có giấy phép đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đã thuê dịch vụ nổ mìn.

5. Kiểm tra tại hiện trường:

- Trạm bơm: Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện đã mờ cần vẽ lại. Công ty đã triển khai khắc phục ngay.

- Xưởng sàng: Bổ sung thêm lưới che chắn tại phần quay nhằm nâng cao mức độ an toàn. Công ty đã triển khai khắc phục ngay.

2.3. Về bảo vệ môi trường

2.3.1. Hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường:

** Về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường*

Công ty đã có:

- Quyết định số 1064/QĐ-TNMT ngày 10/6/2009 “ về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV”.

- Quyết định số 1008/QĐ-BTNMT ngày 05/7/2012 của Bộ Tài nguyên và môi trường “v/v phê duyệt nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường của Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV”.

- Quyết định số 3033/QĐ-BTNMT, ngày 05/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “v/v phê duyệt phương án phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV (thay thế cho Quyết định số 1008/QĐ-BTNMT ngày 05/7/2012).

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy hồ sơ pháp lý về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty đảm bảo theo quy định.

** Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường*

- Giấy xác nhận số 59/GXN-TCMT, ngày 16/7/2014 “về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV”.

- Giấy xác nhận số 112/GXN-BTNMT, ngày 16/8/2019 “xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Đầu tư phát triển mỏ (lần thứ 01)”.

- Xây dựng và vận hành các công trình bảo vệ môi trường: Công ty đã xây dựng đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường theo các báo cáo ĐTM được phê duyệt và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 59/GXN-TCMT, ngày 16/7/2014 “về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV”.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã có đủ các giấy xác nhận theo quy định.

** Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:*

Công ty được Sở Tài nguyên & Môi trường phê duyệt việc quản lý chất thải nguy hại theo công văn số 426/TNMT-MT, ngày 17/4/2007 của Sở Tài nguyên & môi trường Tỉnh Quảng Ninh v/v kê khai chứng từ quản lý chất thải nguy hại và được cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại. Mã số quản lý: 22.000025T.

** Báo cáo công tác bảo vệ môi trường các năm trong thời kỳ thanh tra:*

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2019.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020.

** Kết quả quan trắc môi trường định kỳ:*

- Kết quả quan trắc môi trường định kỳ các năm 2019, 2020.

** Hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải các năm trong thời kỳ thanh tra:*

- Năm 2019:

+ Chất thải rắn (phoi tiện, bột dứa): Hợp đồng số 816/HĐ- VHTEC ngày 12/9/2019 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV;

+ Chất thải rắn thông thường: Hợp đồng số 240/HĐ - VHTEC ngày 27/3/2019 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV;

+ Chất thải nguy hại: Hợp đồng số 211/HĐ - VHTEC ngày 19/3/2019 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV.

- Năm 2020:

+ Chất thải rắn (phoi tiện, bột dứa): Hợp đồng số 510/HĐ- VHTEC ngày 02/6/2020 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV;

+ Chất thải rắn thông thường: Hợp đồng số 184/HĐ- VHTEC ngày 02/3/2020 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV;

+ Chất thải nguy hại: Hợp đồng số 32/HĐ- VHTEC ngày 09/01/2020 giữa Công ty CP Than Hà Tu- Vinacomin và Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

** Biên bản thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) và các hồ sơ khác liên quan:*

Thực hiện Quyết định số 1141/QĐ-ĐCKS ngày 27/11/2020 của Tổng cục Địa chất Khoáng sản – Bộ Tài nguyên Môi trường “v/v kiểm tra hoạt động bảo

vệ môi trường trong khai thác khoáng sản tại một số mỏ có sử dụng bãi thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. Ngày 01/12/2020 Đoàn đã tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại Công ty và kết luận như sau:

Hoạt động đổ thải của Công ty được thực hiện theo thiết kế; có quy trình đổ thải; biện pháp an toàn trong quá trình đổ thải; Đã thành lập tổ quản lý bãi thải; hộ chiếu thải đã lập và được duyệt theo quy định.

Đã thực hiện giám sát môi trường định kỳ; Quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

Đề nghị Công ty tiếp tục quan trắc, đo đạc dịch động bãi thải để phát hiện và xử lý kịp thời nguy cơ sạt lở bãi thải.

2.3.2. *Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất*

a) Về thu gom xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước ngầm được tập trung tại moong khai thác. Nước thải tập trung được thu hồi về hai trạm xử lý nước thải của Công ty để xử lý (công suất 36.000 m³/ngày đêm), trong đó: Trạm xử lý nước thải Hà Tu giai đoạn I có công suất 7.200 m³/ngày tương đương 300 m³/h; Trạm xử lý nước thải Hà Tu giai đoạn II có công suất 28.800 m³/ngày đêm tương đương 1.200 m³/h. Nước thải sau khi xử lý xong được tận dụng lại để phục vụ sản xuất, lượng nước thải đã qua xử lý Công ty không tận dụng hết thì được xả ngoài môi trường theo nội dung Giấy phép xả thải số 1726/GP-BTNMT ngày 15/8/2014 và Giấy phép số 1510/GP-BTNMT ngày 23/6/2017. Nước thải sau khi xử lý xong đạt QCVN 40:2011/BTNMT. Hiện nay toàn bộ nước thải mỏ Công ty ký hợp đồng thuê Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV xử lý.

- Tại hai trạm xử lý nước thải đã lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động để truyền số liệu ra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh để kiểm tra và giám sát việc xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Môi trường TKV.

- Nước thải phục vụ việc vệ sinh cá nhân được thu hồi về các bể phốt và thuê Công ty môi trường đô thị hút xử lý.

** Khối lượng xử lý nước thải mỏ:*

- Năm 2019: 2.805.546 m³; tương đương giá trị: 12.605 triệu đồng.

- Năm 2020: 2.486.859 m³; tương đương giá trị: 14.200 triệu đồng.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

b) Về thu gom, quản lý, lưu giữ chất thải rắn:

** Rác thải sinh hoạt:*

- Phát sinh trong quá trình sinh hoạt của CBCNV khoảng 50 kg/ngày;
- Phương pháp quản lý và xử lý: Rác thải sinh hoạt được thu gom tập kết vào các thùng xe chứa rác và hợp đồng cùng Công ty Môi trường đô thị Quảng Ninh thu gom vận chuyển, xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

** Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

- Đất đá thải trung bình: 19 triệu m³/năm;
- Phương pháp quản lý và xử lý: Đất đá mỏ đổ thải tại bãi thải Núi Béo và bãi thải trong theo giới hạn và thiết kế đã được phê duyệt.

** Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác:*

- Săm, yếm, lớp thải và các chất thải rắn khác: Từ năm 2019 đến hết năm 2020, tổng khối lượng thu gom và xử lý là **397.073** kg. Chi tiết theo dưới bảng dưới đây:

TT	Năm	Loại chất thải rắn	Khối lượng thu gom và xử lý (kg)
1	2019	Săm, yếm, lớp thải, phoi tiện, bột dũa	161.808
2	2020	Săm, yếm, lớp thải, phoi tiện, bột dũa	235.265
Tổng cộng (1+2)			397.073

- Phương pháp quản lý và xử lý: Công ty ký hợp đồng thuê Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV xử lý.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định. Khuyến cáo Công ty cần điều chỉnh một số mẫu Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường phù hợp với mẫu quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành (hiện nay theo mẫu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

c) Về thu gom, quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại như: Dầu thải; thùng phi (vỏ phi thải); Giẻ lau nhiễm dầu thải; Chất thải lẫn dầu...: Từ năm 2019 đến hết năm 2020, tổng khối lượng thu gom và xử lý là **570.459** kg. Chi tiết theo dưới bảng dưới đây:

TT	Năm	Loại chất thải rắn	Khối lượng thu gom và xử lý (kg)
1	2019	Dầu thải; thùng phi (vỏ phi thải); Giẻ lau nhiễm dầu thải; Chất thải lẫn dầu...	256.748
2	2020	Dầu thải; thùng phi (vỏ phi thải); Giẻ lau nhiễm dầu thải; Chất thải lẫn dầu...	313.711
Tổng cộng (1+2)			570.459

- Phương pháp quản lý và xử lý: Thực hiện Luật bảo vệ Môi trường và các thông tư hướng dẫn trong công tác quản lý chất thải nguy hại do Nhà nước ban hành. Đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất Công ty đã và đang tổ chức thực hiện quản lý như sau:

+ Tại các công trường phân xưởng có phát sinh chất thải nguy hại Công ty đã tiến hành phân loại từng loại chất thải ngay tại nguồn, tổ chức thu gom lưu trữ tại các kho, thùng chứa tập trung, có treo gắn các biển cảnh báo theo đúng quy định của nhà nước đã ban hành. Sau đó tiến hành chuyển giao cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường TKV vận chuyển, xử lý.

- Đối với dầu thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các máy móc thiết bị mỏ, tháo xả từ các động cơ, hộp số được thu gom vào các khay đựng dầu. Sau đó trả về kho đóng vào thùng phi và tét để lưu trữ trong thời gian chờ Công ty Môi trường đến vận chuyển, xử lý.

- Đối với phin lọc dầu đã qua sử dụng sau khi tháo ra khỏi các thiết bị vận tải được thu hồi trả lại kho cấp phát và lĩnh mới. Sau đó phin lọc dầu được phân loại, lưu trữ để vào kho chứa chất thải nguy hại.

- Má phanh và giẻ lau dính dầu mỡ được thu gom đựng vào các thùng chứa chất thải nguy hại sau mỗi ca sản xuất được chuyển và lưu trữ tại kho để chất thải nguy hại và được phân loại, tách riêng với các loại chất thải nguy hại khác.

- Ấc quy chì thải: Sau khi được thu gom, phân loại các đơn vị trả về kho để lưu giữ riêng biệt tại kho chất thải nguy hại, ắc quy được sắp xếp ngay ngắn, ngăn nắp trên giá bằng gỗ đảm bảo yêu cầu.

- Các thùng phi có dính dầu mỡ được sắp xếp ngăn nắp vào các kho chứa có mái che tránh sự rửa trôi của nước mưa làm ảnh hưởng đến môi trường nước và môi trường xung quanh.

Tại các kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời Công ty đều có biển cảnh

báo chất thải nguy hại, thiết bị PCCC, cát khô và mùn cưa để xử lý sự cố đổ, tràn dầu ra nền nhà kho, có xây dựng bể hai ngăn để chứa dầu, kho có hệ thống khay chứa bằng thép đảm bảo không bị rò rỉ chất thải lỏng ra nền nhà, có hệ thống giá đỡ và được xếp ngay ngắn, ngăn nắp đảm bảo theo đúng quy định.

+ Song song với việc vận hành các hệ thống kho chứa chất thải nguy hại, hệ thống rãnh thoát nước thu gom, bể lắng dầu cũng được Công ty thực hiện theo đúng qui định. Triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng công trình hệ thống rãnh thoát nước, bể lắng và thu gom dầu.

+ Việc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển xử lý tuân thủ đầy đủ các qui trình từ thu gom vận chuyển và xử lý: trong quá trình thu gom dầu thải, phin lọc có rơi vãi dầu ra nền sân Công ty cùng phối hợp cùng đơn vị thu gom sử dụng rắc mùn cưa nhằm thấm lượng dầu rơi vãi. Sau đó quét dọn vệ sinh chung và thu hồi xử lý đúng theo qui định.

+ Công ty đã thực hiện việc xuất và chuyển giao chứng từ chất thải nguy hại theo đúng qui định của pháp luật và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại 1 năm /lần theo đúng mẫu và thời gian quy định.

- Công ty đã ký kết hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH MTV Môi trường TKV.

d) Về kiểm soát, xử lý bụi, khí thải:

- Đối với vấn đề kiểm soát, xử lý bụi trong khai trường sản xuất Công ty:

+ Đối với khu vực các kho than: Công ty đầu tư các hệ thống phun sương cố định dập bụi để giảm thiểu ngăn ngừa phát tán bụi ra ngoài môi trường;

+ Đối với các tuyến đường nội mỏ: Công ty đầu tư và bố trí các xe chở nước với công suất các xe từ 12 - 20m³ để tưới đường dập bụi với tần suất 3 ca/1 ngày nhằm giảm thiểu bụi phát tán trong công tác vận chuyển nội bộ mỏ đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Ngoài ra, Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức giám sát chất thải ở dạng khí và bụi thông qua các chỉ tiêu giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO, H₂S, tiếng ồn, vi khí hậu.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

đ) Về quan trắc, giám sát chất thải:

Theo báo cáo ĐTM, chương trình giám sát môi trường định kỳ bao gồm: Quan trắc môi trường; quan trắc môi trường nước (nước mặt, nước ngầm); quan trắc môi trường đất; quan trắc môi trường không khí và bụi.

- Công tác quan trắc môi trường nước và không khí được tiến hành đầy đủ hàng năm. Tần suất giám sát: 4lần/năm, công tác giám sát môi trường đất 6 tháng 1 lần. Đơn vị thực hiện lấy mẫu quan trắc và phân tích là Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ môi trường - Vinacomin. Chương trình giám sát cụ thể như sau:

+ Đối với môi trường không khí: Các thông số giám sát là CO, NO₂, Pb, SO₂, độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió, bụi lơ lửng.

+ Đối với môi trường nước mặt: Các thông số giám sát là pH, BOD₅, COD, DO, TSS, As, Cd, Pd, Cr, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, Nitrat, dầu mỡ, colifom, tổng hóa chất bảo vệ thực vật...

+ Đối với môi trường đất: Công ty thực hiện quan trắc mẫu đất tại bãi thải Nam Lộ Phong, bãi thải via Trụ cánh Đông, Bãi thải Tây. Các thông số giám sát là các kim loại nặng như: As, Cd, Cu, Pd và Zn.

+ Đối với quan trắc ngoài chất thải: Giám sát chất thải ở dạng khí và bụi thông qua các chỉ tiêu giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO, H₂ S, tiếng ồn, vi khí hậu.

+ Giám sát chất thải dạng nước (đối với nước mặt): Nước thải thuộc diện nước mặt trong trường hợp này là nước ở các moong khai thác, chỉ tiêu giám sát bao gồm: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, As, Hg, Pb, Cd, Cr, Cu, Fe, Zn, Ni, Mn, dầu mỡ khoáng, N, P, Colifom.

+ Giám sát chất thải dạng nước (đối với nước ngầm): Bao gồm các chỉ tiêu pH, chất rắn lơ lửng, As, Cd, Pd, Cr, Xianua, Cu, Zn, Mn, Nitrat, Hg, Colifom.

+ Quan trắc sự sụt lún, trượt lở, xói mòn tại các bãi thải. Hiện nay các bãi thải của Công ty đã dừng hoạt động và đã được cải tạo, phục hồi môi trường, Công ty đang tổ chức đổ thải tại bãi thải trong đảm bảo theo thiết kế được duyệt. Hiện tại, Công ty ký hợp đồng thuê Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV quan trắc dịch động các bãi thải Nam Lộ Phong, bãi thải Chính Bắc và bãi thải Via 7&8.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

e) Về cải tạo, phục hồi môi trường:

Ngoài việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường theo ĐTM được phê duyệt, Công ty còn chủ động tập trung thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường tại các bãi thải mỏ đã dừng đổ thải và đã được Bộ Tài nguyên và môi trường xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi

trường bổ sung của Dự án Đầu tư phát triển mỏ - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - TKV tại Giấy xác nhận số 112/GXN-BTNMT, ngày 16/8/2019 “xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Đầu tư phát triển mỏ (lần thứ 01)”.

- Công ty đã thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản với 07 lần ký quỹ, cụ thể như sau:

+ Ký quỹ giai đoạn 1 lần thứ 1 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 82/GXN-QBVMT ngày 10 tháng 9 năm 2012 với tổng số tiền đã ký quỹ: 27.196.044.000 đồng.

+ Ký quỹ giai đoạn 2 lần thứ 1 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 130/GXN-QBVMT ngày 14 tháng 11 năm 2012 với số tiền đã ký quỹ: 20.000.000.000 đồng.

+ Ký quỹ giai đoạn 3 lần thứ 1 đến lần thứ 4 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 27/GXN-QBVMT ngày 23 tháng 1 năm 2013 với số tiền đã ký quỹ: 20.000.000.000 đồng.

+ Ký quỹ lần thứ 5 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 33/GXN-QBVMT ngày 4 tháng 2 năm 2013 với số tiền đã ký quỹ: 13.439.209.000 đồng.

+ Ký quỹ lần thứ 6 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 44/GXN - QBVMT ngày 10/2/2014 với số tiền đã ký quỹ: 13.439.209.000 đồng.

+ Ký quỹ lần thứ 7 được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận ký quỹ tại Giấy xác nhận số: 52/GXN - QBVMT ngày 3/2/2015 với số tiền đã ký quỹ: 13.439.209.000 đồng.

Đến nay, Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin đã hoàn thành việc nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường dự án Đầu tư phát triển mỏ đảm bảo theo đúng Quyết định được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt với tổng số tiền ký quỹ là: **107.513.671.000 đồng**.

- Năm 2019 Công ty đã được Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh hoàn trả số tiền đã ký quỹ là 19.550.539.119 đồng tại văn bản số 231/QBVMT &PTĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 “về việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường - Công ty Cổ phần Than Hà Tu”.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

g) Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Hàng năm, Công ty đã xây dựng phương án về việc phòng ngừa và xử lý

sự cố môi trường, với phương án giả định là: Phương án xử lý sự cố do bụi Stec chứa dầu thải và có nêu rõ biện pháp phòng ngừa xử lý sự cố và biện pháp xử lý (nếu có) trong việc thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại để tránh những tình huống có thể dẫn đến như: Cháy, nổ, rò rỉ và đổ tràn phát sinh chất thải nguy hại ra ngoài môi trường.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

3. Kết luận

Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin đã chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có): Không

5. Kiến nghị biện pháp xử lý:

Đề nghị Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin tiếp tục chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn trong khai thác, chế biến khoáng sản, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin;
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân (báo cáo);
- Thanh tra Bộ;
- Người giám sát hoạt động thanh tra;
- Trang website của Cục ATMT (để công khai);
- Lưu: VT, ATKV, Hồ sơ thanh tra.

CỤC TRƯỞNG

Tô Xuân Bảo